TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM THAO** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 31/2023/HS-ST
Ngày 18 tháng 5 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tâm

Ông Hà Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Xiêm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Chu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST- HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34a/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2023/TLST- HS ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34a/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1965 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu I, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T1, đã chết; con bà: Nguyễn Thị M, sinh năm 1932; có vợ: Bùi Thị K; con: Có 04 con; con lớn sinh năm 1988; con nhỏ sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Họ và tên: **Bùi Văn Đ**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/6/1972 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn M1, đã chết và bà Quản Thị T2, đã chết; có vợ: Lê Thị L; con: Có 04 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 21/01/2019, bị cáo Bùi Văn Đ bị cơ quan Công an huyện L xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, đã chấp hành xong.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ: Bà Đỗ Hồng N – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ, có mặt.

3. Họ và tên: **Trần Hữu G**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/8/1982 tại huyện L, tỉnh Phú Thọ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu B, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hữu T3 và bàTrần Thị T4; có vợ: Đinh Thị H; có 02 con, con lớn sinh năm 2014; con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 21/01/2023, tại lán trông coi bãi cát của gia đình Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 thuộc khu I xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn T cùng với Trần Hữu G, sinh năm 1982, ở khu B, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ và Bùi Văn Đ, sinh năm 1972, ở khu A, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ đang đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi rút xì. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T, G, Đ và thu giữ vật chứng gồm: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân đang sử dụng đánh bạc; số tiền 120.000đ là tiền của Nguyễn Văn T, Trần Hữu G và Bùi Văn Đ đang tham gia đặt cược của ván bạc. Tại vị trí ngồi đánh bạc của Nguyễn Văn T ở trên chiếu phát hiện tạm giữ: 940.000đ. T khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Kiểm tra người không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài sản gì. Tại vị trí ngồi đánh bạc của Trần Hữu G ở trên chiếu phát hiện tạm giữ: 4.030.000đ. G khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Kiểm tra người không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài sản gì. Tại vị trí ngồi đánh bạc của Bùi Văn Đ ở trên chiếu phát hiện tạm giữ: 4.430.000đ. Đ khai nhận là tiền của mình đang sử dụng để đánh bạc. Kiểm tra người không phát hiện, tạm giữ đồ vật, tài sản gì; 01 chiếc mành trúc, kích thước 80x120 cm, đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra, các đối tượng khai nhận về hành vi đánh bạc như sau: Khoảng 13 giờ 00 ngày 21/01/2023, Nguyễn Văn T đi ra lán trông coi bãi cát của gia đình T thuộc khu I, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, tại lán trông coi T gặp G và Đ đến lán ngồi chơi uống nước. Lúc này, T cùng G, Đ rủ nhau chơi đánh bạc bằng hình thức rút xì ăn tiền. Cách thức chơi và tính thắng thua như sau:

T, Đ, G cùng thống nhất chơi đánh bạc bằng hình thức chơi đánh Rút xì thắng, thua bằng tiền, mức cược mỗi lần rút bài là 20.000đ và thống nhất mỗi ván chơi khi những người chơi rút 5 lá bài xong rồi tính ai có bộ đôi hay bộ ba cao hơn thì người chơi thắng ván chơi đó. Khi các người chơi không ai có bộ đôi, bộ ba thì các người chơi

tính theo quân bài cao nhất là quân A(át) rồi lần lượt tới K,Q, J xuống đến 2, không tính chất "Rô", "Cơ ", "Tép", "Bích", Nguyễn Văn T lấy bộ tú lơ khơ có 52 quân bài có sẵn trong lán trông coi ra để chơi. Bắt đầu ván chơi ai là người xáo, trộn bài thì ván chơi đó sẽ được rút bài đầu tiên rồi theo lần lượt người rút tiếp theo tính theo bên tay phải người rút lá bài đầu tiên. Sau khi T, Đ, G rút xong hai quân bài đầu tiên lên, bắt đầu xem bài, đặt cược theo mức cược đã thống nhất và người đặt cược đầu tiên là người rút lá bài đầu tiên ở ván chơi đó, khi người chơi đặt cược xong các người chơi rút tiếp lá bài thứ 3 và đặt cược. Từ lượt chơi này người chơi nào thấy các quân bài thấp thì có thể bỏ ván chơi và sẽ mất số tiền cược lượt trước cho người thắng ván chơi đó, còn ai chơi theo cược thì tiếp tục rút lá bài thứ 4 rồi đặt cược, người nào chơi rút lá bài thứ 5 là lượt cuối cùng. Lúc này những người tham gia chơi đánh bạc đặt các quân bài xuống chiếu rồi so các quân bài với nhau như đã thống nhất từ đầu, ai có bài cao hơn tất cả thì người chơi đó về nhất và được tất cả tiền cược trong ván chơi đó. Khi T, G và Đ đánh bạc thì có Nguyễn Văn T5, sinh năm 1994, HKTT: khu I, xã T, huyện L cũng có mặt, T5 không tham gia đánh bạc mà chỉ ngồi xem các đối tượng đánh bạc. Cả ba người ngồi chơi đến 14 giờ 00 cùng ngày thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận số tiền sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

- Khi bị bắt quả tang trên giữa chiếu có số tiền 120.000đ (Một trăm hai mươi nghìn đồng), là số tiền Nguyễn Văn T, Bùi Văn Đ, Trần Hữu G đang cược ván chơi đó mỗi bị cáo 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng).

- Nguyễn Văn T đem, sử dụng 940.000đ (Chín trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang trên chiếu tại vị trí ngồi có 940.000đ (Chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Đang thắng bạc 40.000đ (Bốn mươi nghìn đồng).

- Bùi Văn Đ đem theo, sử dụng 4.540.000đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí ngồi có 4.430.000đ (Bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Đang thua bạc 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng).

- Trần Hữu G đem theo, sử dụng 4.040.000đ (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, tại vị trí ngồi có 4.030.000đ (Bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Đang thắng bạc 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng).

Như vậy, xác định tổng số tiền 9.520.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) các bị cáo sử dụng để đánh bạc là số tiền các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội đánh bạc của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu giữ cùng tài liệu khác trong hồ sơ vụ án.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo: Quá trình điều tra xác minh Nguyễn Văn T và Bùi Văn Đ đều có tài sản chung là nhà và đất ở tại nơi cư trú, bị cáo Trần Hữu G không có tài sản riêng gì có giá trị.

Cáo trạng số: 24/CT -VKSLT ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại

diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Văn Đ và Trần Hữu G phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Bùi Văn Đ cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Bùi Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị Bùi Văn Đ.

Buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Đ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án Hình sự.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Hữu G.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Trần Hữu G từ 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) đến 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Văn Đ và Trần Hữu G.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.520.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc mành trúc, kích thước 80x120cm, đã qua sử dụng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Hữu G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn Đ.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo Bùi Văn Đ phát biểu quan điểm: Nhất trí nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo bị cáo Bùi Văn Đ và đồng phạm về hành vi "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự, nhất trí về tội danh, khung hình phạt các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo Bùi Văn Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, sửa chữa khắc phục những sai lầm của mình.

Tại phiên tòa, các bị cáo hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Khoảng từ 13 giờ 00 đến 14 giờ 00 ngày 21/01/2023, tại lán trông bãi cát của Nguyễn Văn T thuộc khu I, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Nguyễn Văn T cùng với Trần Hữu G và Bùi Văn Đ đang đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi rút xì với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 9.520.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng. Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Hữu G và Bùi Văn Đ phạm tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. ..."

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Vụ án thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo biết rằng đánh bạc không những là vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự công cộng, làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác cũng như ảnh hưởng đến kinh tế, hạnh phúc gia đình nhưng vẫn cố tình vi phạm. Vì vậy, cần phải

đưa các bị cáo ra xét xử và có mức hình phạt tương xứng mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo như sau:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng chung ý chí đánh bạc với nhau được thua bằng tiền với mục đích vụ lợi, có vai trò ngang nhau vì cùng rủ rê đánh bạc chỉ có sự khác biệt hơn về số tiền mà các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Trong đó bị cáo Bùi Văn Đ có số tiền dùng vào việc đánh bạc là lớn nhất sau đó đến bị cáo Trần Hữu G rồi đến Nguyễn Văn T.

Đối với bị cáo Bùi Văn Đ: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào nhưng bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc nhưng không lấy đó là bài học kinh nghiệm cho bản thân, sửa chữa, khắc phục sai lầm để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm bị Tòa án đưa ra xét xử thể hiện sự coi thường pháp luật do vậy cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn đối với các bị cáo khác là phù hợp.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình thuộc hộ cận nghèo, con nhỏ thường xuyên phải điều trị tại bệnh viện nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, có thể cho bị cáo Bùi Văn Đ cải tạo ngoài xã hội theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự cũng đủ để giáo dục, răn đe các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về khấu trừ thu nhập: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo nhưng cần áp dụng khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải thực hiện một số công việc lao động công ích để phục vụ cộng đồng là phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Hữu G:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Hữu G không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bố vợ của bị cáo Trần Hữu G là Đinh Huy T6 là người có công với cách mạng được tặng huân chương chiến sỹ giải phóng, bố vợ của bị cáo Nguyễn Văn T là ông Bùi Văn C được thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất nên các bị cáo Nguyễn Văn T và Trần Hữu G đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Hữu G cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Bùi Văn Đ thuộc hộ cận nghèo không có tài sản riêng gì có giá trị ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Hữu G không có tài sản riêng gì có giá trị ngoài đồ dùng sinh hoạt thiết yếu. Đồng thời đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt

chính đối với bị cáo T và bị cáo G nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 9.520.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp.

Đối với 52 quân bài tú lơ khơ, đã qua sử dụng các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp;

Đối với 01 chiếc mành trúc, kích thước 80x120cm, đã qua sử dụng của bị cáo T, không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp;

Đối với anh Nguyễn Văn T5, Cơ quan điều tra đã xác định anh Nguyễn Văn T5 là người chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc và không được hưởng lợi ích gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, bị cáo Trần Hữu G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Bùi Văn Đ do bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên bị cáo được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; khoản 1, khoản 3 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Trần Hữu G;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Văn Đ và Trần Hữu G phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Bùi Văn Đ 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an huyện L nhận được quyết định thi hành án đối với bị cáo. Giao bị cáo Bùi Văn Đ cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Bùi Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì UBND xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm thông báo cho cơ quan có thẩm quyền biết theo quy định tại khoản 3 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị Bùi Văn Đ.

Buộc bị cáo Bùi Văn Đ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 4 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần.

Bị cáo Đ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu G 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Bùi Văn Đ, Trần Hữu G.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.520.000đ (Chín triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc mành trúc, kích thước 80x120cm, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Thao và công an huyện L)

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Trần Hữu G mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Văn Đ.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Lâm Thao;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Lâm Thao;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- UBND xã T;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu HSVA, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thu Trang